TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 42/2019/KDTM-ST
Ngày: 19/8/2019
V/v Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Khắc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lượng;

2. Ông Huỳnh Tiến Dũng;

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Ngự - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Như Khương – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 29/2019/TLST/KDTM ngày 29 tháng 5 năm 2019 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 288/2019/QĐST-KDTM ngày 03 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên quốc tế C.

Trụ sở: A, cao ốc Saigon Trade Centre, số B, đường C, phường D, quận 1, thành phố thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền (văn bản uỷ quyền số 29.2017/GUQ-L&C ngày 19/10/2017)*:* Ông Nguyễn Hải P, sinh năm 1995 (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT (Tên cũ, công ty TNHH dịch vụ vận chuyển HT).

Trụ sở: A, đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1986 – Giám đốc. Cư trú số A, đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1986.

Cư trú số số A, đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Hoàng, sinh năm 1959.

Cư trú số số A, đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Hùng C, sinh năm 1986. Cư trú số số A, đường B, khu phố C, phường D, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản uỷ số 6885 ngày 08/03/2018).(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định:

Ngày 02/08/2016, Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên quốc tế C (gọi tắt là công ty C) và Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT (gọi tắt là công ty HT) có ký hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901, tài sản thuê là 01 xe tải biển số 50LD-07677, thời gian thuê là 48 tháng tính từ ngày 05/08/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/08/2016, lãi suất 10%/năm.

Ngày 24/10/2016, Công ty C và Công ty HT có ký hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203, tài sản thuê là 01 xe cẩu bánh lốp biển số 50LA-0914, thời gian thuê là 48 tháng tính từ ngày 27/10/2016, được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 28/10/2016, lãi suất 10%/năm.

Theo thỏa thuận, hàng tháng Công ty HT phải thanh toán cho Công ty C một phần tiền gốc và tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ tiền gốc mà Công ty C đã tài trợ và tiền lãi theo hợp đồng trước khi Công ty HT trả hết tiền gốc và tiền lãi cho Công ty C, thì Công ty C vẫn là chủ sở hữu tài sản cho thuê. Nếu Công ty HT vi phạm nghĩa vụ thanh toán hay bất cứ điều khoản nào của hợp đồng, thì Công ty C có quyền chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu Công ty HT bồi thường thiệt hại (nếu có).

Thực hiện hợp đồng thuê, ngày 02/08/2016 Công ty C và Công ty HT có ký hợp đồng mua bán số C160700901-PC để mua chiếc xe tải biển số 50LD-07677 giá với 2.200.000.000 đồng và ngày 24/10/2016 ký hợp đồng mua bán số C161003203-PC để mua chiếc xe cẩu bánh lốp biển số 50LA-0914 với giá 2.000.000.000 đồng.

- Ngày 02/08/2016, Công ty HT lập giấy chứng nhận nghiệm thu chấp nhận chiếc xe tải biển số 50LD-07677 là tài sản thuê theo như hợp đồng và ngày 24/10/2016 đã lập giấy chứng nhận nghiệm thu chấp nhận chiếc xe cẩu bánh lốp biển số 50LA-0914 là tài sản thuê theo như quy định của hợp đồng.

- Đối với, hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901 tài sản thuê là xe tải biển số 50LD-07677 giá 2.200.000.000 đồng, Công ty HT đã trả trước 271.774.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn 1.087.096.000 đồng (giá trị thuê). Đối với, hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203 tài sản thuê là xe cẩu bánh lốp

biển số 50LA-0914 giá 2.000.000.000 đồng, Công ty HT đã trả trước 600.000.000 đồng, Công ty C tài trợ vốn 1.400.000.000 đồng (giá trị thuê).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty HT thường xuyên vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Công ty C đã nhiều lần yêu cầu Công ty HT thanh toán nhưng Công ty HT vẫn không thực hiện nghĩa vụ. Nên đã vi phạm Điều 26 của hợp đồng, do vậy ngày 12/04/2017 Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê tài sản và thu hồi tài sản số 01.2017/TB-HungTien, yêu cầu Công ty HT thanh toán số tiền còn nợ của hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901 là 1.890.492.008 đồng và hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203 là 1.627.398.644 đồng cho Công ty C.

Ngày 19/04/2017, Công ty HT cam kết thanh toán 280.000.000 đồng vào ngày 28/04/2017 và hàng tháng thánh toán 90.000.000 đồng cho Công ty C. Đồng thời, Công ty HT tự nguyện giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C. Tuy nhiên, ngày 08/05/2017 Công ty HT chỉ thanh toán cho Công ty C được 160.000.000 đồng và từ đó đến nay không thanh toán.

Ngày 20/06/2017, Công ty HT đã giao trả toàn bộ tài sản thuê cho Công ty C. Công ty HT không mua lại hoặc giới thiệu người mua lại tài sản thuê theo như biên bản làm việc ngày 20/06/2017 và ngày 26/07/2017. Cho nên, ngày 21/11/2017 Công ty C đã thanh lý chiếc xe tải biển số 50LD-07677 giá 750.000.000 đồng, chiếc xe cẩu bánh lốp biển số 50LA-0914 giá 750.000.000 đồng. Như vậy, số tiền thanh lý xe và số tiền ký cược bảo đảm cho hai hợp đồng được cấn trừ thì Công ty HT còn nợ Công ty C tính đến ngày 19/8/2019 là 1.555.586.533 đồng đồng.

Do đó, Công ty C yêu cầu toà án:

- Buộc Công ty HT thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 19/8/2019 là 1.555.586.533 đồng (852.721.928 đồng + 645.887.510 đồng). Cụ thể:

+ Đối với hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901: Nợ gốc là 700.000.009 đồng + Nợ lãi trong hạn (tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê ngày 14/04/2017) là 88.114.504 đồng + Nợ lãi quá hạn (từ ngày 14/04/2017 đến ngày 19/8/2019) là 102.936.139 đồng = 891.050.652 đồng.

+ Đối với hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203: Nợ gốc là 530.303.017 đồng + Nợ lãi trong hạn (tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê ngày 14/04/2017) là 70.797.358 đồng + Nợ lãi quá hạn (từ ngày 14/04/2017 đến ngày 19/8/2019) là 63.435.506 đồng = 664.535.881 đồng.

- Buộc Công ty HT tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất được quy định trong hợp đồng.

- Trường hợp Công ty HT không thanh toán hết nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Hoàng và ông Nguyễn Hùng Chương liên đới thanh toán số tiền nợ.

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt hợp lệ giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn cố tình vắng mặt không đến tòa để làm việc, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, các quyền và nghĩa vụ của đương sự được tôn trọng và bảo đảm đúng theo các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vẫn còn vi phạm điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về thời hạn chuẩn bị xét xử.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tụng tố tụng: Tranh chấp giữa Công ty C và Công ty HT phát sinh từ quan hệ hợp đồng cho thuê tài chính đây là loại tranh chấp được quy định tại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có trụ sở trên địa bàn quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đại diện nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm a và điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hình thức hợp đồng: Công ty C là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thực hiện các hoạt động theo quy định từ Điều 112 đến Điều 116 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 16 Nghị định 39/2014/NĐ-CP và Thông tư số 30/2015-NHNN ngày 25/12/2015 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Công ty HT là thương nhân, thoả mãn Điều 2 Luật thương mại năm 2005. Căn cứ Hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901 ngày 22/08/2016, hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203 ngày 28/10/2016 giữa Công ty C và Công ty HT được xác lập giữa các bên bằng văn bản và xác lập hoàn toàn tự nguyện là phù hợp với quy định của pháp luật

2.2. Nội dung yêu cầu.

- Xét yêu cầu của Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên quốc tế C buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 19/8/2019 là 1.555.586.533 (891.050.652 đồng + 664.535.881 đồng). Cụ thể là:

+ Đối với hợp đồng cho thuê tài chính số C160700901: Nợ gốc là 700.000.009 đồng + Nợ lãi trong hạn (tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê ngày 14/04/2017) là 88.114.504 đồng + Nợ lãi quá hạn (từ ngày 14/04/2017 đến ngày 19/8/2019) là 102.936.139 đồng = 891.050.652 đồng.

+ Đối với hợp đồng cho thuê tài chính số C161003203: Nợ gốc là 530.303.017 đồng + Nợ lãi trong hạn (tính đến ngày chấm dứt hợp đồng thuê ngày 14/04/2017) là 70.797.358 đồng + Nợ lãi quá hạn (từ ngày 14/04/2017 đến ngày 19/8/2019) là 63.435.506 đồng = 664.535.881 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

+ Căn cứ Điều 26 Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 02/08/2016 số C160700901 và Hợp đồng cho thuê tài chính ngày 24/10/2016 số C161003203.

+ Căn cứ Hợp đồng mua bán số C160700901-PC ngày 02/08/2016 và Hợp đồng mua bán số C161003203-PC ngày 24/10/2016.

+ Căn cứ thông báo chấm dứt Hợp đồng cho thuê tài sản và thu hồi tài sản số 01.2017/TB-HungTien ngày 12/04/2017.

+ Căn cứ biên bản làm việc ngày 19/04/2017, 20/06/2017 và ngày 26/07/2017.

Từ những căn cứ trên, cũng như nội dung trình bày trong quá trình tố tụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của công ty C là có cơ sở chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Công ty C buộc Công ty HT tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử trên số tiền nợ gốc với mức lãi suất được ghi nhận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết nợ. Thỏa thuận nêu trên được ghi nhận trong hợp đồng và phụ hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

- Xét yêu cầu của Công ty C đối với trường hợp Công ty HT không thanh toán hết nợ thì buộc bà Nguyễn Thị Hoàng và ông Nguyễn Hùng Chương liên đới thanh toán số tiền nợ. Thỏa thuận của các bên được thực hiện theo thư bảo lãnh là tự nguyện và phụ hợp với quy định tại Điều 335 Bộ luật dân sự 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 157, Điều 165; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 2; Điều 3; Điều 4; Điều 271; Điều 306; Điều 310; Điều 311 và Điều 319 luật Thương Mại;

- Căn cứ luật Doanh nghiệp 2005;

- Căn cứ Điều 335 Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ Điều 112; Điều 113 Luật các tổ chức tín dụng 2010 sửa đổi, bổ sung 2017;

- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C về việc: "*Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*" đối với Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT.

- Buộc Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT phải trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C số tiền còn nợ theo các Hợp đồng thuê tài chính số C160700901 ký ngày 02/8/2016 và Hợp đồng thuê tài chính số C161003203 ký ngày 24/10/2016 tính đến ngày xét xử 19/8/2019 là 1.555.586.533 (Một tỷ năm trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm tám mươi sáu nghìn, năm trăm ba mươi ba) đồng.

- Kể từ ngày 20/8/2019, Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT còn phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C tiền lãi quá hạn phát sinh trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn quy định tại hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ.

- Trường hợp Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C, bà Nguyễn Thị Hoàng và ông Nguyễn Hùng Chương có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C số tiền mà Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT còn nợ.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH dịch vụ vận tải và thi công cơ giới HT phải nộp 58.667.596 (Năm mươi tám triệu, sáu trăm sáu mươi bảy nghìn, năm trăm chín mươi sáu) đồng.

Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế C toàn bộ số tiền tạm ứng án phí 50.781.397 (Năm mươi triệu, bảy trăm tám mươi mốt nghìn, ba trăm chín mươi bảy) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0037635 ngày 23/11/2017 của chi cục thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Khắc Hưng